TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-PT
Ngày: 29-9-2021.
"V/v tranh chấp Thừa kế tài sản**"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần hưng Bính và ông Lê Vũ Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2021 về "Tranh chấp thừa kế tài sản"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Hoàng Trọng N**; địa chỉ: phường H, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Bá D; phường B, thành phố H; (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Minh B; Công ty Luật TNHH Đại Trí; địa chỉ: phường B, thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: **Ông Hoàng Trọng D**; Địa chỉ: phường B, thành phố H; vắng mặt,

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hoàng Trọng B; vắng mặt.

3.2. Bà Võ Thị H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: phường B, thành phố H.

3.3. Ông Hoàng Trọng H; vắng mặt.

3.4. Bà Võ Thị B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Chị Hoàng Thị H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.6. Anh Hoàng Trọng H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Anh Hoàng Trọng H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: phường B, thành phố H.

3.8. Bà Hoàng Thị G; Địa chỉ: phường B, thành phố H; xin xét xử có mặt.

3.9. Bà Hoàng Thị H; Địa chỉ:phường B, thành phố H; xin xét xử vắng mặt.

3.10. Bà Hoàng Thị S; Địa chỉ: phường X, thành phố H; vắng mặt.

3.11. Bà Hồ Thị H; vắng mặt.

3.12. Anh Hoàng Trọng D; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.13. Anh Hoàng Trọng H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.14. Chị Hoàng Thị Ánh T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.15. Chị Hoàng Thị Thu S; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: phường B, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B và ông Hoàng Trọng H: Ông Nguyễn Đình H; Địa chỉ: phường V, thành phố H; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị G: Ông Võ Bá C; Địa chỉ: phường B, thành phố H; có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn - Ông Hoàng Trọng D; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn trình bày: Bố mẹ ông Hoàng Trọng N là ông Hoàng Trọng U (chết năm 1946) và bà Tôn Nữ Thị D (chết năm 1983). Bố mẹ ông U chết trước năm 1946, bố mẹ bà D chết trước năm 1983. Ông U và bà D sinh được 6 người con gồm: Ông Hoàng Trọng Đ (chết năm 1946, không có vợ con); ông Hoàng Trọng D (chết năm 2018, có các con gồm: ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị S và ông Hoàng Trọng H); ông Hoàng Trọng T (chết năm 1946, không có vợ con); ông Hoàng Trọng Q (chết từ nhỏ không có vợ con); ông Hoàng Trọng N và bà Hoàng Thị G.

Trước khi chết, ông Hoàng Trọng U và bà Tôn Nữ Thị D có tạo lập nhà ở và đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, nằm trên thửa đất số 140 tờ bản đồ số 26, diện tích 5.378,8m^2, theo bản đồ đo đạc năm 1998, thửa đất này có diện tích 5.445m^2, tại tổ 15, khu vực T, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, hiện nay do

gia đình ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B và ông Hoàng Trọng H là con của ông Hoàng Trọng D đang quản lý, sử dụng. Năm 2004, ông Hoàng Trọng D và các con của ông D là ông D, ông B và ông H cùng ông N đã thỏa thuận chia đất. Năm 2006, ông D, ông N và bà G lập giấy thỏa thuận phân chia đất vườn thừa kế của cha mẹ để lại. Năm 2004, ông N đã xây căn nhà cấp 4 và tường rào ranh giới trên phần đất đã thỏa thuận chia, được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận số nhà, ông D đã giao cho ông N bản chính của bản sao địa bộ phần đất ông N được chia ký hiệu C704. Năm 2020, khi ông N xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con của ông D làm đơn ngăn chặn. Nay, ông Hoàng Trọng N đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất sô 140, tờ bản đồ 26. Do khi khởi kiện không biết diện tích đất thực tế nên yêu cầu chia 5.378,8m^2, sau khi đo đạc thực tế, xác định được diện tích thửa đất số 140, tờ bản đồ 26 là 5.420,5m^2, nên ông N yêu cầu chia 1/3 trong diện tích đất 5.420,5m^2 là 1.806,8m^2. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn tự nguyện nhận phần đất đã làm nhà ở là 942,2m^2, không yêu cầu những người thừa kế của ông Hoàng Trọng D phải trả phần chênh lệch giá trị do được chia nhiều hơn, để bù đắp quá trình bảo quản, giữ gìn, tu bổ di sản thừa kế.

Phía bị đơn là ông Hoàng Trọng D và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Thừa nhận ông Hoàng Trọng U và bà Tôn Nữ Thị D sinh được 6 người con, có 3 người chết không có vợ con như nguyên đơn trình bày. Ông U và bà D có tạo lập thửa đất diện tích 1.392m^2, theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1984 thửa đất này có số thửa 135, tờ bản đồ 04. Bố ông là ông Hoàng Trọng D có tạo lập thửa đất theo bản đồ 299 là thửa 107, tờ bản đồ 04, diện tích 4.867m^2. Năm 1998, gộp 2 thửa 135 và 107 thành thửa 140, tờ bản đồ 26 có diện tích 5.445 m^2. Phía nguyên đơn và bà Hoàng Thị G giao nộp các bản sao địa bộ đứng tên ông Huỳnh Trọng U thì đề nghị làm rõ ông Huỳnh Trọng U và ông Hoàng Trọng U, đồng thời các bản sao địa bộ này ghi là đất "Hương hỏa", nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị G, đề nghị xem xét thời hiệu yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị S thống nhất như ý kiến trình bày của phía bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị G và đại diện hợp pháp của bà G trình bày: Bố mẹ bà là ông Hoàng Trọng U và bà Tôn Nữ Thị D sinh được 6 người con, có 3 người chết không có vợ con như nguyên đơn trình bày, trước khi chết có tạo lập nhiều thửa đất, sau này hình thành thửa đất số 140 tờ bản đồ số 26, có diện tích 5.445m^2, tại tổ 15, khu vực T, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 2006, có lập biên bản phân chia đất cho ông N, sau đó ông N xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con của ông D nói với bà là làm đơn ngăn chặn, nên bà có làm đơn ngăn chặn gửi Ủy ban nhân dân thành phố H. Khi làm đơn ngăn chặn thì ông Hoàng Trọng D đã đưa 5 trích lục bản sao địa bộ bản gốc tên bố bà là ông Huỳnh Trọng U chứng thực tại phòng Tư pháp thành phố H, khi chứng thực thì ông Võ Bá C là con bà G có giữ

lại 5 bản sao có chứng thực. Hiện nay các con của ông D cho rằng đây là đất của ông D tạo lập là không đúng thực tế vì bà, ông D, ông N sống trên thửa đất này từ khi mới sinh ra. Bản tự khai ngày 02/5/2020 là do ông D đưa cho bà ký, nay bà trình bày lại như nội dung trên, đồng thời ngày 22/02/2021 có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu được chia 1/3 trong diện tích đất 5.445m^2 là 1.815m^2 đất. Tại phiên tòa, bà G tự nguyện nhận phần đất trống là 816,7m^2, không yêu cầu những người thừa kế của ông Hoàng Trọng D phải trả phần chênh lệch giá trị do được chia nhiều hơn, để bù đắp quá trình bảo quản, giữ gìn, tu bổ di sản thừa kế, tự nguyện bồi thường cây cối do vợ chồng ông D trồng trên phần đất được chia.

Tại Bản án số 26/2021/DS-ST ngày 20/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 468, 611, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 618, 623, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; Điểm b Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

1/ Xác định di sản thừa kế của ông Hoàng Trọng U và bà Tôn Nữ Thị D là quyền sử dụng đất thửa đất số 140 tờ bản đồ số 26, diện tích 5.420,5m^2, tại tổ 15, khu vực T, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là số 24, 26, 28, 30 phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), có giá trị 16.261.500.000 đồng.

2/ Chia cho ông Hoàng Trọng N diện tích đất 942,2m^2 đất đối với phần đất 140-3 theo họa đồ phân chia, với giá trị 2.826.600.000 đồng, phía Đông giáp với đường Đặng Đức T có chiều dài 17,22m, điểm cuối cạnh này cách thửa 171, tờ bản đồ 26 một đoạn 10,87m. Phía Nam là một đường gấp khúc, nối điểm cuối cạnh phía Đông kéo về phía Tây với chiều dài các đường gấp khúc là 54.48m. Phía Tây là một đường thẳng, nối điểm cuối cạnh phía Nam, kéo về phía Bắc với chiều dài 19,28m. Phía Bắc là một đường gấp khúc nối điểm đầu cạnh phía Đông và điểm cuối cạnh phía Tây với chiều dài các đường gấp khúc là 54,73m. (có sơ đồ kèm theo)

Chia cho bà Hoàng Thị G diện tích đất 816,7m^2 đất đối với phần đất 140-2 theo họa đồ phân chia, với giá trị 2.450.100.000 đồng, phía Đông giáp với đường Đặng Đức T có chiều dài 16,08m, điểm cuối cạnh này giáp với đất ông N. Phía Nam là một đường gấp khúc giáp với đất ông N, với chiều dài các đường gấp khúc là 56,73m. Phía Tây là một đường thẳng, nối điểm cuối cạnh phía Nam, kéo về phía Bắc với chiều dài 10,95m. Phía Bắc là một đường thẳng nối điểm đầu cạnh phía Đông và điểm cuối cạnh phía Tây với chiều dài là 58,14m. (có sơ đồ kèm theo)

Chia cho ông Hoàng Trọng D diện tích đất 3.661,6m^2 đất là phần đất còn lại sau khi chia cho ông N và bà G, với giá trị 10.984.800.000 đồng, gồm: Phần đất 140-1 theo họa đồ phân chia, có diện tích 1.485.1m^2, phía Đông giáp với đường Đặng Đức T có chiều dài 21,46m, điểm đầu là ranh giới thửa đất điểm cuối cạnh này giáp với đất bà G. Phía Nam là một đường thẳng giáp với đất bà G, với chiều dài là 58,14m. Phía Tây là một đường gấp khúc, nối điểm cuối cạnh phía Nam, kéo về phía Bắc với chiều dài các đường gấp khúc là 30,25m. Phía Bắc là một đường gấp khúc nối điểm đầu cạnh phía Đông và điểm cuối cạnh phía Tây với chiều dài các đường gấp khúc là 56,18m. Phần đất 140-4 theo họa đồ phân chia, có diện tích 2.176,5m^2, phía Đông giáp với đường Đặng Đức T có chiều dài 10,87m, điểm đầu giáp với đất ông N, điểm cuối giáp với thửa 171. Phía Nam là một đường gấp khúc giáp với thửa 171, với chiều dài các đường gấp khúc là 101,54m. Phía Tây là một đường gấp khúc, nối điểm cuối cạnh phía Nam, kéo về phía Bắc với chiều dài các đường gấp khúc là 30,03m. Phía Bắc là một đường gấp khúc nối điểm đầu cạnh phía Đông và điểm cuối cạnh phía Tây với chiều dài các đường gấp khúc là 120,79m. Do hiện nay ông Hoàng Trọng D đã chết, nên những người thừa kế của ông D là ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị S được nhận phần thừa kế của ông D được chia. (có sơ đồ kèm theo).

Tạm giao cho ông Hoàng Trọng N, bà Hoàng Thị G và những người thừa kế của ông Hoàng Trọng D phần đất được chia. Những người được tạm giao có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3/ Buộc bà Hoàng Thị G phải trả cho ông Hoàng Trọng D và bà Hồ Thị H số tiền 14.864.000 đồng. Bà Hoàng Thị G được sở hữu 18 cây bưởi và 40 cây chuối trên phần đất được chia.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí đo đạc, thẩm định, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Do không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 29/7/2021, bị đơn - Ông Hoàng Trọng D; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị S có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu Cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn - ông Hoàng Trọng D; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ

án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - Ông Hoàng Trọng D; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự; kết quả tranh tụng; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và xét xử vắng mặt các đương sự đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn - Ông Hoàng Trọng D; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị S kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng trình tự thủ tục nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có bà Võ Thị H, Võ Thị B, chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Trọng H, Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị S, Hoàng Thị H, Hoàng Trọng D, Hoàng Trọng H, Hoàng Thị Ánh T, Hoàng Thị Thu S có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Trọng D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Trọng B, Hoàng Trọng H, Hoàng Thị H, Hoàng Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về việc xác định người tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 140, tờ bản đồ số 26 tại tổ 15, KV T, phường B, thành phố H, thửa đất này không có nhà của ông Hoàng Trọng B và không liên quan đến thửa đất số 171, tờ bản đồ 26 mà ông Hoàng Trọng B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, cấp sơ thẩm không đưa ông Hoàng Trọng B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

- Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự không có ý kiến gì về thời hiệu khởi kiện; thời hiệu yêu cầu độc lập của bà G; Những người thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng Trọng U và bà Tôn Nữ Thị D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về nội dung:

Tại bản tự khai ngày 02/5/2020, bị đơn ông Hoàng Trọng D khai: "Ông bà nội tôi là Huỳnh Trọng U (mất năm 1946), bà Tôn Nữ Thị D (mất năm 1983). tại đơn ngăn chặn và đơn đề nghị giải quyết của bà Hoàng Thị G đề ngày 20/2/2020 bà gái khẳng định bố bà là ông Huỳnh (Hoàng) Trọng Uyễn và mẹ là Tôn Nữ Thị D. Theo gia phả Hoàng tộc do phía bị đơn cung cấp thì ông Hoàng Trọng U có vợ là Tôn Nữ Thị D sinh được 06 người con như các đương sự trình bày. Tại Công văn số 96/UBND-ĐC ngày 16/4/2021 của Ủy ban nhân dân phường B xác định thửa đất số 140, tờ bản đồ 26 được hình thành từ các trích lục C703, C946, C706, C704 các trích lục này đứng tên ông Huỳnh Trọng U, trước đât họ Huỳnh có tên gọi khác là họ Hoàng. Như vậy, có căn cứ xác định Huỳnh Trọng U và Hoàng Trọng U là một người.

- Về di sản thừa kế của ông Hoàng Trọng U và bà Tôn Nữ Thị D: Tại tờ khai những người thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng Trọng D ngày 15/7/2020 được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận ngày 26/9/2011 thì ông D khai thửa đất số 140, tờ bản đồ 26, tại tổ 15, khu vực T, phường Thủy B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế do bố mẹ ông là ông Hoàng Trọng U và bà Tôn Nữ Thị D tạo lập. Tại Biên bản hòa giải ngày 18/2/2020 ở Ủy ban nhân dân phường B, bà Hoàng Thị G, ông Hoàng Trọng N, ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H đều khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp do ông U và bà D để lại. Phía bị đơn và những người con của ông Hoàng Trọng D khai nại là ông Hoàng Trọng D có tạo lập 4.867m^2, nhưng không cung cấp được chứng cứ gì và mâu thuẫn với trình bày trước đây và các chứng cứ do nguyên đơn và bà G cung cấp. Qua đo vẽ thực tế thì thửa đất số 140 tờ bản đồ số 26, diện tích 5.420,5m^2, diện tích 5420,5m^2, tại tổ 15, khu vực T, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, thửa đất này hình thành từ các bản sao địa bộ C703, C946, C706, C704 đứng tên ông Huỳnh Trọng U, diện tích các bản sao địa bộ này phù hợp với diện tích tranh chấp, nên đây là di sản thừa kế, ông U và bà D không để lại di chúc, không có văn bản của những người thừa kế dùng vào việc thờ cúng, nên được chia theo pháp luật. Vì vậy, việc bị đơn - ông Hoàng Trọng D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị S kháng cáo cho rằng: Ông U và bà D có tạo lập thửa đất diện tích 1.392m^2, theo bản đồ 299 đo vẽ năm 1984, thửa đất này có số thửa 135, tờ bản đồ 04. Bố các ông, bà là ông Hoàng Trọng D có tạo lập thửa đất theo bản đồ 299 là thửa 107, tờ bản đồ 04, diện tích 4.867m^2. Năm 1998, gộp 2 thửa 135 và 107 thành thửa 140, tờ bản đồ 26 có diện tích 5.445m^2. Phía nguyên đơn và bà Hoàng Thị G giao nộp các bản sao địa bộ đứng tên ông Huỳnh Trọng U, các bản sao địa bộ này ghi là đất "Hương hỏa", nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà Hoàng Thị G là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn - ông Hoàng Trọng D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị S và giữ

nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về án phí:

Tại phiên tòa, ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B, bà Hoàng Thị H có đơn xin miễn án phí, đây là tình tiết mới. Bà Hoàng Thị H sinh năm 1966 không đủ điều kiện được miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông D và ông B.

Các đương sự khác phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - ông Hoàng Trọng D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị S; Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 468, 611, 613, khoản 2 Điều 616, Điều 618, Điều 623, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015. Điểm b Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Trọng N, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị G. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hoàng Trọng U là năm 1946, cụ Tôn Nữ Thị D là năm 1983.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Hoàng Trọng U và cụ Tôn Nữ Thị D là quyền sử dụng đất thửa đất số 140 tờ bản đồ số 26, diện tích 5.420,5m^2, tại tổ 15, khu vựcnT, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là 24, 26, 28, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế), có giá trị 16.261.500.000đồng.

4. Trích công sức quản lý di sản cho ông Hoàng Trọng D được hưởng 10% giá trị di sản thừa kế với số tiền: 1.626.100.000 đồng (16.261.500.000đồng x10%) tương ứng với diện tích đất 542,05 m^2.

5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ U, cụ D gồm 03 người là: Hoàng Trọng N, Hoàng Trọng D, Hoàng Thị G.

- Ông Hoàng Trọng D, chết năm 2018 nên các thừa kế của ông D gồm các ông, bà Hoàng Trọng D, Hoàng Trọng B, Hoàng Trọng H, Hoàng Thị H, Hoàng Thị S được đồng sở hữu kỷ phần thừa kế của ông D và phần công sức quản lý di sản được trích cho ông Hoàng Trọng D.

6. Tổng giá trị di sản của cụ U, cụ D còn lại để chia theo quy định của pháp luật là: 16.261.500.000 - 1.626.100.000 = 14.878.450.000 đồng tương ứng với diện tích đất 4.878,45 m^2.

7. Chia giá trị như sau:

- Chia cho ông Hoàng Trọng N được hưởng phần diện tích đất 942,2m^2, với giá trị 2.826.600.000 đồng.

- Chia cho bà Hoàng Thị G được hưởng phần diện tích đất 816,7m^2 đất, với giá trị 2.450.100.000 đồng.

- Chia cho các ông, bà ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị S được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Hoàng Trọng D và phần trích công sức quản lý di sản cho ông D với tổng diện tích đất 3.661,6m^2 là phần đất còn lại sau khi chia cho ông N và bà G, với giá trị 10.984.800.000 đồng,

8. Chia hiện vật như sau:

Tạm giao cho ông Hoàng Trọng N diện tích đất 942,2m^2 đất đối với phần đất 140-3 theo họa đồ phân chia, với giá trị 2.826.600.000 đồng, phía Đông giáp với đường Đặng Đức T có chiều dài 17,22m, điểm cuối cạnh này cách thửa 171, tờ bản đồ 26 một đoạn 10,87m. Phía Nam là một đường gấp khúc, nối điểm cuối cạnh phía Đông kéo về phía Tây với chiều dài các đường gấp khúc là 54.48m. Phía Tây là một đường thẳng, nối điểm cuối cạnh phía Nam, kéo về phía Bắc với chiều dài 19,28m. Phía Bắc là một đường gấp khúc nối điểm đầu cạnh phía Đông và điểm cuối cạnh phía Tây với chiều dài các đường gấp khúc là 54,73m. (có sơ đồ kèm theo)

Tạm giao cho bà Hoàng Thị G diện tích đất 816,7m^2 đất đối với phần đất 140-2 theo họa đồ phân chia, với giá trị 2.450.100.000 đồng phía Đông giáp với đường Đặng Đức T có chiều dài 16,08m, điểm cuối cạnh này giáp với đất ông Ngoạn. Phía Nam là một đường gấp khúc giáp với đất ông Ngoạn, với chiều dài các đường gấp khúc là 56,73m. Phía Tây là một đường thẳng, nối điểm cuối cạnh phía Nam, kéo về phía Bắc với chiều dài 10,95m. Phía Bắc là một đường thẳng nối điểm đầu cạnh phía Đông và điểm cuối cạnh phía Tây với chiều dài là 58,14m. (có sơ đồ kèm theo)

Tạm giao cho những người thừa kế của ông Hoàng Trọng D gồm có ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B, ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị S diện tích đất 3.661,6m^2 là phần đất còn lại sau khi chia cho ông N và bà G, với giá trị 10.984.800.000 đồng, gồm: Phần đất 140-1 theo họa đồ phân chia, có diện tích 1.485.1m^2, phía Đông giáp với đường Đặng Đức T có chiều dài 21,46m, điểm đầu là ranh giới thửa đất điểm cuối cạnh này giáp với đất bà

G. Phía Nam là một đường thẳng giáp với đất bà G, với chiều dài là 58,14m. Phía Tây là một đường gấp khúc, nối điểm cuối cạnh phía Nam, kéo về phía Bắc với chiều dài các đường gấp khúc là 30,25m. Phía Bắc là một đường gấp khúc nối điểm đầu cạnh phía Đông và điểm cuối cạnh phía Tây với chiều dài các đường gấp khúc là 56,18m. Phần đất 140-4 theo họa đồ phân chia, có diện tích 2.176,5m^2, phía Đông giáp với đường Đặng Đức T có chiều dài 10,87m, điểm đầu giáp với đất ông N, điểm cuối giáp với thửa 171. Phía Nam là một đường gấp khúc giáp với thửa 171, với chiều dài các đường gấp khúc là 101,54m. Phía Tây là một đường gấp khúc, nối điểm cuối cạnh phía Nam, kéo về phía Bắc với chiều dài các đường gấp khúc là 30,03m. Phía Bắc là một đường gấp khúc nối điểm đầu cạnh phía Đông và điểm cuối cạnh phía Tây với chiều dài các đường gấp khúc là 120,79m. (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

9. Buộc bà Hoàng Thị G phải trả cho ông Hoàng Trọng D và bà Hồ Thị H số tiền 14.864.000 đồng. Bà Hoàng Thị G được sở hữu 18 cây bưởi và 40 cây chuối trên phần đất được chia.

10. Về chi phí tố tụng: 5.000.000đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí này và đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

11. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí cho ông Hoàng Trọng N, Hoàng Trọng D, Hoàng Trọng B và bà Hoàng Thị G.

- Buộc ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị S mỗi người phải chịu 23.796.960 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Hoàng Trọng H, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị S mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào các biên lai thu tiền số: AA/2016/0002995, AA/2016/0002996, AA/2016/0002997, ngày 04/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trả lại cho ông Hoàng Trọng D, ông Hoàng Trọng B mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai số AA/2016/0002993, AA/2016/0002994 ngày 04/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

12. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.